

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1365**/SVHTT-QLVH

Kiên Giang, ngày **18** tháng **10** năm 2022

V/v đăng tải dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh quy định phí thăm quan
danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn
hóa, công trình văn hóa và bảo tàng
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2022 Hội đồng nhân dân
tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Công văn số 43/UBND-TH ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh tại các kỳ họp lệ trong năm 2022
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

Để đảm bảo quy trình, thủ tục đúng theo quy định; Sở Văn hóa và Thể thao
đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết của Hội
đồng nhân dân tỉnh quy định phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử -
văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trên Cổng
thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân
tham gia đóng góp ý kiến (có gửi kèm dự thảo Nghị quyết).

Trân trọng đề nghị! *ngly*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở VHTT;
- Lưu: VT, QLVH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sáu

Số: /2022/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa,
công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng...năm 2022 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định mức thu, nộp, chế độ miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa, bảo tàng công lập thuộc thẩm quyền của địa phương giao cho đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Đối với di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nằm trong quần thể du lịch đã có thu giá dịch vụ vào cổng thì không thực hiện thu phí thăm quan di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

c) Không áp dụng đối với di tích lịch sử - văn hóa là điểm lưu niệm danh nhân, điểm di chỉ khảo cổ, điểm diễn ra sự kiện lịch sử Cách mạng trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ chưa đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất – hạ tầng để đáp ứng nhu cầu thu phí thăm quan; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng và bảo tàng tư nhân.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý, khai thác các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng.

3. Đơn vị tổ chức thu phí: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng.

4. Mức thu phí:

a) Đồng tiền thu phí: Việt Nam đồng (VNĐ).

b) Mức thu phí:

- Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Ngôi nhà số 21 đường Nguyễn Văn Trỗi (nay là Bảo tàng tỉnh Kiên Giang):

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích thắng cảnh quốc gia Hòn Chông (gồm Hòn Phụ Tử, Chùa Hang và Bãi Dương):

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích lịch sử và thắng cảnh quốc gia Núi Mo So:

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích thắng cảnh quốc gia Mũi Nai:

+ Người lớn: 30.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 15.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích thắng cảnh quốc gia Thạch Động:

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích thắng cảnh quốc gia Núi Bình San:

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Danh lam thắng cảnh quốc gia Núi Đá Dựng:

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích lịch sử và thắng cảnh quốc gia Ba Hòn (Hòn Đất, Hòn Me, Hòn Quéo):

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Di tích thắng cảnh cấp tỉnh Khu bảo tồn biển Phú Quốc:

+ Người lớn: 60.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 25000 đồng/lượt/khách.

- Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc:

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

- Bảo tàng tỉnh:

+ Người lớn: 20.000 đồng/lượt/khách.

+ Trẻ em dưới 16 tuổi: 10.000 đồng/lượt/khách.

5. Đối tượng nộp, miễn và giảm:

a) Đối tượng nộp phí:

Người Việt Nam và người nước ngoài thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng.

b) Đối tượng được miễn phí:

- Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

- Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

c) Đối tượng được giảm 50% mức phí:

- Người được hưởng chính sách ưu đãi văn hóa theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

- Người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người cao tuổi.

- Các chuyên gia nghiên cứu về di sản văn hóa.

- Sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do nhà trường tổ chức tham quan ngoại khóa hàng năm có đăng ký với các đơn vị quản lý trực tiếp di tích và cơ quan chức năng quản lý về di sản văn hóa.

- Người dân có hộ khẩu thường trú tại các huyện, thành phố nơi có danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa đặt tại địa phương.

- Trường hợp đặc biệt khác có ý kiến của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

6. Về quản lý và sử dụng phí:

a) Tiền thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng thuộc ngân sách nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thu phí có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp như sau:

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính được để lại 30% trên số tiền thu phí để trang trải chi phí thu phí, phí bảo hiểm theo quy định; còn lại 70% nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được để lại 90% trên số tiền thu phí để trang trải chi phí thu phí, phí bảo hiểm theo quy định; còn lại 10% nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Tiền thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng, không thuộc ngân sách nhà nước; tổ chức, cá nhân thu phí có trách nhiệm thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế theo quy định.

c) Tổ chức, cá nhân hoặc người được ủy quyền thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa và bảo tàng phải niêm yết và công khai mức thu tại địa điểm trực tiếp thu phí.

7. Chứng từ thu phí:

- Đối với phí thuộc ngân sách nhà nước: Tổ chức, cá nhân khi thu phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định của cơ quan thuế về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

- Đối với phí không thuộc ngân sách nhà nước: Tổ chức, cá nhân khi thu phí phải lập và giao hóa đơn cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng.

8. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng, công khai chế độ thu phí thăm quan di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và bảo tàng được thực hiện theo Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2013 về điều chỉnh Nghị quyết số 144/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thông qua ngày.... tháng.... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày....tháng.....năm 2022/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Website Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;

CHỦ TỊCH

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh và tương đương;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo VP, các phòng, CVNC;
- Lưu: VT.